

Konický kotár

16. května 2026

Šubířov



parametry tratí

kategorie	délka v km	počet kontrol
D10C	2,1	8
D12C	2,4	8
D14C	2,6	12
D16C	2,8	14
D18C	3,1	15
D21C	4,6	19
D35C	4	18
D45C	3,9	16
D55C	2,9	14
D65C	2,2	11
H10C	2,1	8
H12C	2,6	8
H14C	3	13
H16C	3,5	15
H18C	3,7	16
H21C	5,9	23
H35C	5,3	19
H45C	4,7	18
H55C	3,7	16
H65C	2,9	14
H75C	2,2	11
HDR	2,3	9
OPEN	2,9	11